

Bs Trần Quốc Chí - Khoa Ung Bướu

Người n: Handbook of cancer chemotherapy (ấn bản lần 7)

Mỗi năm có 165.000 trường hợp tử vong do ung thư biểu u mô phổi. Điều này tương ứng với 1/3 tổng số trường hợp tử vong do ung thư và chiếm 1/3 tổng số trường hợp tử vong do ung thư vú, đại tràng và tuyến tiền liệt tổng cộng. Ung thư phổi bao gồm 4 loại mô học chính: ung thư biểu u mô tuyến, ung thư biểu u mô tế bào vảy, ung thư biểu u mô tế bào lớn và ung thư biểu u mô tế bào nhỏ. Bởi đặc điểm sinh học duy nhất của ung thư phổi tế bào nhỏ (SCLC- small cell lung cancer), việc phân chia giai đoạn và điều trị của ung thư phổi tế bào nhỏ hoàn toàn khác với các loại ung thư phổi khác đặc biệt chung là ung thư phổi không phải tế bào nhỏ (NSCLC- non small cell lung cancer)



BẢNG 7.2 Hiệu chỉnh 1997 đối với xếp loại giai đoạn quốc tế ung thư phổi.
5- year survival rate (%)

Giai đoạn	Phân nhóm TNM	Giai đoạn lâm sàng	Giai đoạn bệnh học
IA	T1N0M0	61	67
IB	T2N0M0	38	57
IIA	T1N1M0	34	55
IIB	T2N1M0 T3N0M0	24	39
IIIA	T3N1M0 T1-3N2M0	9	25
IIIB	T4 N bất kỳ M0 T bất kỳ N3M0	13	23
IV	T bất kỳ N bất kỳ M1	1	—

Hóa trị quy nạp (đồng thời với xạ trị)
EP

Etoposide 50mg/m², ngày
1-5, 29-33

Cisplatin 50mg/m² ngày
1,8,29,36

EP tiếp theo Docetaxel

Etoposide 50mg/m², ngày
1-5, 29-33

Cisplatin 50mg/m² ngày
1,8,29,36

Carboplatin cộng với Paclitaxel

Carboplatin AUC 2 mỗi tuần

Paclitaxel 50mg/m² trên 1
giờ mỗi tuần

Hóa trị củng cố

Etoposide 50mg/m² TM ngày 1-5
mỗi 3 tuần x 2 chu kỳ

Cisplatin 50mg/m² TM ngày 1,8
mỗi 3 tuần x 2 chu kỳ

Docetaxel 75-100mg/m² TM mỗi
3 tuần x 3 chu kỳ
bắt đầu 4-6 tuần sau
hóa trị qui nạp

Carboplatin AUC 6 ngày 1 mỗi 3
tuần x 2 chu kỳ

Paclitaxel 200mg/m² TM ngày 1
trên 3 giờ mỗi 3 tuần
x 2 chu kỳ.

- Cisplatin cộng với Vinorelbine
Cisplatin 100mg/m² tĩnh mạch ngày 1
Vinorelbine 25mg/m² hàng tuần
Lặp lại mỗi 4 tuần.
- Carboplatin/ Paclitaxel cộng với Bevacizumab^a
Carboplatin AUC 6 ngày 1
Paclitaxel 225mg/m² TM ngày 1 trên 3 giờ.
Lặp lại mỗi 3 tuần.
Bevacizumab 15mg/kg TM mỗi 3 tuần cho đến khi bệnh tiến triển.
- Cisplatin/ Carboplatin cộng với Gemcitabine
Cisplatin 100mg/m² TM ngày 1
Gemcitabine 1000mg/m² TM vào ngày 1, 8, và 15
Lặp lại mỗi 4 tuần.
hoặc
Cisplatin 80mg/m² TM ngày 1

- Gemcitabine 1250mg/m² TM ngày 1 và 8
Lặp lại mỗi 3 tuần.
hoặc
Carboplatin AUC 5 ngày 1
Gemcitabine 1000mg/m² TM ngày 1 và 8
Lặp lại mỗi 3 tuần
- Cisplatin/ Carboplatin cộng với Docetaxel
Cisplatin 75mg/m² TM ngày 1
Docetaxel 75mg/m² TM ngày 1
Lặp lại mỗi 3 tuần
hoặc
Carboplatin AUC 6 ngày 1
Docetaxel 75mg/m² TM ngày 1
Lặp lại mỗi 3 tuần.

BẢNG 7.6. Các phác đồ hóa trị cho ung thư phổi tế bào nhỏ. Các phác đồ với nền tảng Cisplatin.

Etoposide	120mg/m ² TM ngày 1-3 hoặc 120mg/m ² uống 2 lần mỗi ngày, ngày 1-3
Cisplatin	60mg/m ² TM ngày 1
Hoặc	
Cisplatin	25mg/m ² TM ngày 1-3
Etoposide	100mg/m ² TM ngày 1-3

Lặp lại mỗi 3 tuần.

Các phác đồ với nền tảng Carboplatin.

Carboplatin	300mg/m ² TM ngày 1
Etoposide	100mg/m ² TM ngày 1-3
Hoặc	
Carboplatin	100mg/m ² TM ngày 1-3
Etoposide	120mg/m ² TM ngày 1-3

Lặp lại mỗi 4 tuần.

Irinotecan cộng với Cisplatin.

Irinotecan	60mg/m ² TM ngày 1,8, và 15
Cisplatin	60mg/m ² TM ngày 1.

Lặp lại mỗi 4 tuần.